

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10
Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh năm học 2026 - 2027**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, tuyển sinh vào lớp 10 các trường trung học phổ thông năm học 2026 - 2027 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-SGDĐT ngày 10/6/2026 của Giám đốc Sở GDĐT Lâm Đồng về việc thành lập các Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh tại Tờ trình số 350/TTr-THPTTC-HN ngày 31/7/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh năm học 2026 - 2027 gồm 250 học sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh thông báo danh sách trúng tuyển, tiếp nhận học sinh trúng tuyển vào nhập học theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng các đơn vị, Hiệu trưởng Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đức Lợi

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Trường Chinh - Hòa Ninh năm học 2026-2027
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Sở GDĐT)

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
1	ĐOÀN THỊ BẢO AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
2	NGUYỄN TRẦN BẢO AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/10/2011	Thôn 7A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
3	PHẠM NGUYỄN BẢO AN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/11/2011	Thôn 7, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
4	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/05/2011	Thôn 11A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
5	HOÀNG NGỌC MAI ANH	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	06/12/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
6	LÃ NGỌC ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/03/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
7	NGUYỄN QUỲNH ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
8	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
9	NGUYỄN VŨ BẢO ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	09/11/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
10	PHẠM TUẤN ANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/01/2011	Thôn 7, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
11	NGUYỄN MINH ÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
12	BÙI GIA BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/08/2011	Thôn 16, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
13	HOÀNG GIA BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/04/2011	Thôn 7, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
14	MAI VĂN HOÀNG BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/05/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
15	NGUYỄN HỮU BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/09/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
16	NGUYỄN LÊ GIA BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
17	NGUYỄN QUỐC BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1

18	PHẠM NGUYỄN	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/09/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
19	VŨ NGỌC	CHÂU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/07/2011	Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
20	ĐINH NGỌC LINH	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/05/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
21	ĐỖ DIỆP	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/07/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
22	KA LWUYỀNH QUỲNH	CHI	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	03/09/2011	Thôn Kon Rum lớn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0		NV1
23	VŨ NGỌC QUỲNH	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/05/2011	Thôn 15, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
24	TRẦN THÀNH	CÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	17/02/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
25	VŨ HOÀNG	CƯƠNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/09/2011	Thôn 5B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
26	PHẠM THÀNH	DANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/06/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0		NV1
27	LẠI THỊ THÚY	DIỄM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/04/2011	Thôn 3A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
28	VŨ ĐOÀN PHƯƠNG	DIỆP	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/10/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
29	HOÀNG THỊ	DIỆU	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	09/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
30	HÀ THỊ	DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/03/2011	Thôn 1, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
31	VŨ PHƯƠNG	DUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
32	LÊ NGỌC	DUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0		NV1
33	NGUYỄN ĐỨC	DUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/09/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0		NV1
34	TRẦN THỊ KIỀU	DUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0		NV1
35	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/07/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
36	ĐỖ HỒ TIẾN	DUYỆT	Ninh Bình	Nam	Kinh	04/10/2011	Thôn 2B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
37	LÂM TRÍ	DŨNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0		NV1
38	LƯU TIẾN	DŨNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/02/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1
39	TRẦN TIẾN	DŨNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0		NV1

40	XA TUẤN	DŨNG	Lâm Đồng	Nam	Mường	30/05/2011	Thôn 6A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
41	BÙI THUỶ	DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/03/2011	Thôn 5B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
42	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/05/2011	Thôn 7A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
43	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
44	TRẦN TUẤN	ĐẠI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/01/2011	Thôn 7, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
45	ĐÀNG K'	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Chăm	12/04/2011	Thôn Kon Rum lớn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
46	ĐỒNG TIẾN	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27/09/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
47	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/09/2011	Thôn 8A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
48	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0		NV1
49	NGUYỄN NHẬT	ĐĂNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/01/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0		NV1
50	PHẠM HẢI	ĐĂNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31/01/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0		NV1
51	ĐÌNH HOÀNG	GIA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/11/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0		NV1
52	VŨ NGỌC	GIANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	26/07/2011	Thôn 11, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
53	HOÀNG THU	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
54	VŨ NGÂN	HÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/03/2011	Thôn 1, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
55	KA	HÀNH	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	11/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0	TN THCS trường PT DTNT	TT
56	KA	HẢI	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	14/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0		NV1
57	PHẠM MINH HOÀNG	HẢI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/10/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1
58	ĐOÀN THỊ HỒNG	HẠNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
59	MAI THỊ THANH	HẰNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1

60	MAI TÔ GIA	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
61	NGÔ GIA	HÂN	TP. Hải Phòng	Nữ	Kinh	12/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
62	NGUYỄN NGỌC GIA	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
63	NGUYỄN PHÙNG HÂN	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/12/2011	Thôn 3B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
64	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/07/2011	Xã Bảo Lâm 5, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Bảo Lâm 5, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
65	KA	HIÊN	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	08/12/2010	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
66	ĐÀO THANH	HIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/11/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
67	NGÔ TRÍ	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/10/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
68	TRẦN TRUNG	HIẾU	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/06/2011	Thôn 11, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
69	NGUYỄN NGỌC	HOA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
70	LÊ QUANG	HUY	Gia Lai	Nam	Kinh	10/06/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
71	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
72	NGUYỄN MINH	HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
73	NGUYỄN QUANG HUY	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/04/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
74	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
75	KA VÔH KƠ VÀO	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	08/11/2011	Thôn Kon Rum nhỏ, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0			NV1
76	BÙI MẠNH HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
77	NGUYỄN MINH HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
78	NGUYỄN NGỌC HUY HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31/10/2011	Thôn 15, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
79	TRẦN MẠNH HÙNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/04/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
80	LÊ VĂN ĐỨC HÙNG	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	05/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1

81	LÊ THỊ THẢO	HƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/05/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
82	VŨ QUỲNH	HƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/04/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
83	K'	JIM	Lâm Đồng	Nam	Cơ-ho	30/07/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0			NV1
84	ĐẶNG ĐỖ DUY	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
85	LÊ MINH	KHANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/05/2011	Thôn 11, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
86	VŨ BẢO	KHANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
87	NGUYỄN TẤN	KHẢI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/06/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
88	ĐOÀN DUY	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/06/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
89	ĐỖ HOÀNG BẢO	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/11/2011	Thôn 9B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
90	NGUYỄN TRẦN NAM	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/07/2011	Thôn 15, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
91	PHẠM ĐỖ NGỌC	KHÁNH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/02/2011	Thôn 3B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
92	TRẦN BẢO	KHÁNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
93	BÙI ĐĂNG	KHOA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/01/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
94	NGUYỄN BẢO	KHOA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
95	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	14/08/2011	Thôn 8A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
96	TRẦN ĐĂNG	KHOA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/01/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
97	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/05/2011	Thôn Kon Rum lớn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
98	ĐINH THẾ	KIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
99	ĐƯƠNG ANH KỲ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	12/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
100	N RỒNG JU LE	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	04/11/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
101	LƯƠNG THỊ THUỶ LINH	Gia Lai	Nữ	Kinh	08/10/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
102	NGÔ THỊ THÙY LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1

103	NGUYỄN LÊ DIỆU	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/03/2011	Thôn 8B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
104	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/04/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
105	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
106	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/02/2011	Thôn 11, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
107	NGUYỄN TRÚC	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
108	NGUYỄN VŨ MAI	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/02/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
109	PHẠM VŨ KHÁNH	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/08/2011	Thôn 16, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
110	SƠN VÕ NHỰT	LINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	06/03/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
111	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	LINH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	04/05/2011	Phường 3 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
112	VŨ TRẦN HOÀNG	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/01/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
113	VŨ MẠNH	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/07/2011	Thôn 2A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
114	VŨ NHẬT	LONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	08/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
115	BÙI VŨ THÀNH	LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/12/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
116	ĐỖ THANH	LỘC	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	12/12/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
117	LÊ VĂN	LỘC	Lâm Đồng	Nam	Kinh	09/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
118	VŨ ĐỨC	LUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	18/07/2010	Thôn 4A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
119	KA	LUY	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	12/11/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
120	HÀ THỊ CẨM	LY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/12/2011	Thôn 2B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
121	MAI THỊ KHÁNH	LY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
122	ĐỖ THỊ TRÀ	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/07/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
123	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0			NV1
124	TRẦN LÊ TRÀ	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/01/2011	Thôn 8B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
-----	-----------	----------	-----------	---------	-----------	------------------------	---------	---------	--------------	-----------	---------------	------------------	---------

125	TRẦN THI UYÊN	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/11/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
126	TRẦN VŨ THẢO	MY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/10/2011	Thôn 6A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
127	ĐÀO THỊ THANH	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/04/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
128	MAI HOÀNG	NGÂN	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	25/11/2011	thôn 11, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
129	PHAN TÌNH	NGHĨA	Lâm Đồng	Nam	Kinh	11/10/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
130	NGUYỄN THỊ THANH	NGOAN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/07/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
131	ĐOÀN BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/12/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
132	LÊ KHÁNH	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/06/2011	Thôn 6B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
133	NGUYỄN BÙI BẢO	NGỌC	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	18/01/2011	Thôn 3, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
134	NGUYỄN CAO BẢO	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/01/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
135	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn 7A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
136	ĐỒNG BÙI NGỌC	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/08/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
137	VŨ THỊ THẢO	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	05/11/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
138	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	04/05/2011	Thôn Kon Rum nhỏ, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
139	MAI TÚ	NHÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/02/2011	Thôn 6B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
140	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	NHÂN	TP. Hải Phòng	Nam	Kinh	28/07/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
141	PHẠM HUY	NHẬT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/01/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
142	ĐẶNG YẾN	NHI	Hưng Yên	Nữ	Kinh	25/08/2011	Xã Tân Quan, Tỉnh Đồng Nai, Xã Tân Quan, Tỉnh Đồng Nai			30.0	30.0			NV1
143	ĐỒNG VŨ UYÊN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/04/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
144	HOÀNG THÙY	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	03/11/2010	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
145	LÊ HÀ	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/07/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
146	LÊ NGÔ PHƯƠNG	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/09/2011	Thôn 3B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0			NV1
147	NGUYỄN THỊ UYÊN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/02/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
148	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/01/2011	Thôn 2A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
149	LƯƠNG THỊ	NHUNG	Ninh Bình	Nữ	Kinh	01/11/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1

150	PHẠM HỒNG	NHUNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29/03/2011	Thôn 3A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
-----	-----------	-------	----------	----	------	------------	------------------------------------	--	--	------	------	--	--	-----

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
151	ĐẶNG BẢO NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	18/10/2011	Thôn 3A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
152	HÀ QUỲNH NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
153	KA NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	16/04/2011	Thôn Kon Rum lớn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
154	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/03/2011	Thôn 8A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
155	NGUYỄN VŨ TỐ NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/02/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
156	TRẦN ĐOÀN BẢO NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/05/2011	Thôn 1, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0			NV1
157	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/11/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0			NV1
158	VŨ QUỲNH NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
159	NGUYỄN NGỌC VY OANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	11/03/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
160	LÊ TÂN PHÁT	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
161	KA PHIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	04/09/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0			NV1
162	PHAN MẠNH PHONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	21/11/2011	Thôn 5, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0			NV1
163	PHẠM ĐÌNH PHONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
164	VŨ NHƯ PHONG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	19/06/2011	Thôn 7A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
165	NGUYỄN TRẦN HỒNG PHÚC	Ninh Bình	Nữ	Kinh	24/09/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
166	BÙI THỊ UYÊN PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/03/2011	Thôn 15, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
167	CHU THÚY HOÀI PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/03/2011	Thôn 5, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
168	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
169	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	08/04/2011	Thôn 3B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
170	PHẠM THU PHƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	12/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
171	ĐẶNG PHẠM MINH QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/11/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1

172	HOÀNG MINH	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/09/2011	Thôn 4, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
173	PHẠM MINH	QUÂN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	13/08/2011	Thôn 11A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
174	LÊ THANH	QUYÊN	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	18/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1
175	VÕ NHƯ	QUỲNH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn 2, Xã Đình Trang Thượng, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
176	BÙI PHÚ	QUÝ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29/08/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
177	BÙI ĐÌNH MINH	SANG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	04/11/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0		NV1
178	QUÁCH VĂN	SINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	23/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			29.0	29.0		NV1
179	NGUYỄN TRƯỜNG	TÀI	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0		NV1
180	LÊ MINH	TÂM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/07/2011	12, Thôn 11A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0		NV1
181	PHAN ĐỨC	TÂM	Lâm Đồng	Nam	Kinh	15/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0		NV1
182	NGUYỄN ĐÀM	THANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/07/2011	Thôn 11A, Phường 2 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0		NV1
183	KA	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	04/02/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0		NV1
184	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	09/04/2011	Thôn 3B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
185	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
186	DƯƠNG QUỐC	THẮNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	01/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0		NV1
187	KA	THI	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	21/02/2011	Thôn Kon Rum lớn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		40.0	41.0		NV1
188	PHÙNG THỊ KHÁNH	THI	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	19/12/2011	Thôn 6, Xã Nghĩa Trung, Tỉnh Đồng Nai			30.0	30.0		NV1
189	KA	THÍS	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	17/07/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0		NV1
190	VŨ THỊ KIM	THOA	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/10/2011	Thôn 1B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0		NV1
191	KA	THOM	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	04/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		36.0	37.0		NV1
192	ĐỒNG ĐỨC	THUẬN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	10/12/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1
193	NGÔ MINH	THUẬN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc,			34.0	34.0		NV1

						Tỉnh Lâm Đồng							
194	ĐẶNG THỊ ANH	THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	01/12/2010	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0		NV1
195	ĐOÀN NGỌC BẢO	THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/03/2011	Thôn 3, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
196	KA ANH	THƯ	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	11/08/2011	Thôn Kon Rum nhỏ, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		31.0	32.0		NV1
197	VÕ THỊ ANH	THƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0		NV1
198	ĐỒNG LÊ HOÀI	THƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	13/12/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0		NV1
199	PHẠM THỊ HOÀI	THƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/11/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1
200	TRƯƠNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	07/09/2011	Thôn 11B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
201	TRẦN NGỌC KHÁNH	THY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/12/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0		NV1
202	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/05/2011	Thôn 1, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
203	TRẦN NGUYỆT THỦY	TIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0		NV1
204	PHẠM VĂN	TOÀN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	22/07/2011	Thôn 6A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			28.0	28.0		NV1
205	BÙI NGUYỄN HUYỀN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	25/11/2011	Thôn 8B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0		NV1
206	LƯƠNG DIỄM	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	06/07/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			35.0	35.0		NV1
207	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0		NV1
208	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRÀ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	16/09/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		38.0	39.0		NV1
209	ĐỖ QUỲNH	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	15/02/2011	Thôn 15, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0		NV1
210	KA	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	11/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		32.0	33.0		NV1
211	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28/12/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0		NV1
212	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	23/01/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0		NV1
213	CAO TRIỆU TUYẾT	TRINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/07/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0		NV1
214	ĐOÀN NGUYỄN KIỀU	TRINH	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	18/03/2011	Thôn 3, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0		NV1

215	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	21/01/2011	Thôn 7A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
216	ĐINH MINH	TRÍ	Lâm Đồng	Nam	Mường	02/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		30.0	31.0			NV1
217	K'	TRÍ	Lâm Đồng	Nam	Cơ-ho	24/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
218	TRẦN MINH	TRÍ	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	16/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
219	TRẦN XUÂN	TRỌNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
220	XA VĂN	TRỌNG	Lâm Đồng	Nam	Mường	22/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		28.0	29.0			NV1
221	VŨ QUANG	TRUNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/04/2011	Thôn 14, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
222	ĐINH TRẦN KHÁNH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	19/07/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0			NV1
223	ĐOÀN THỦY	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	11/04/2011	Thôn 1A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
224	KRÔNG NỘP	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Cơ Ho	28/05/2011	Thôn La Ôn, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		34.0	35.0			NV1
225	VŨ THỊ THANH	TRÚC	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	26/04/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0			NV1
226	NGUYỄN	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28/03/2011	Thôn 7B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
227	PHẠM HOÀNG	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	25/01/2011	thôn 8, Xã Bảo Lâm 2, Tỉnh Lâm Đồng			33.0	33.0			NV1
228	PHẠM SỸ	TUẤN	Lâm Đồng	Nam	Kinh	07/04/2011	Thôn 2A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0			NV1

STT	Họ và tên	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi đăng ký thường trú	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	TBm toán, văn	Diện tuyển thẳng	Ghi chú
229	K' TÚ	Lâm Đồng	Nam	Cơ-ho	27/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0			NV1
230	TRẦN MINH TÚ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	05/01/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			34.0	34.0			NV1
231	ĐOÀN CẨM UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/11/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
232	LÊ HOÀNG GIA UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
233	NGUYỄN HOÀNG MAI PHƯƠNG UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	10/07/2011	Thôn 1C, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0			NV1
234	PHẠM THỊ THU UYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27/06/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0			NV1
235	HUỲNH THỊ TRÚC VI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/03/2011	Thôn 13, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0			NV1
236	ĐỖ QUANG VINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	03/05/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc,			28.0	28.0			NV1

						Tỉnh Lâm Đồng								
237	TRẦN CÔNG VINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh	02/01/2011	Thôn 6A, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			31.0	31.0				NV1
238	K' TÁCH CRÔNG VINH	Lâm Đồng	Nam	K'ho	05/07/2011	Thôn Kon Rum nhỏ, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		27.0	28.0				NV1
239	K' VON	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	02/10/2010	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng	1.0		22.0	23.0		TN THCS trường PT DTNT	TT	
240	BÙI THỊ PHƯƠNG VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	22/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0				NV1
241	ĐẶNG THỊ KIỀU VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	20/03/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			32.0	32.0				NV1
242	HÀ NGUYỄN NGỌC VY	TP. Đồng Nai	Nữ	Kinh	19/10/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			36.0	36.0				NV1
243	PHẠM THẢO VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30/10/2011	Thôn 10B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0				NV1
244	TRẦN MINH VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	02/01/2011	Thôn 16, Xã Hòa Ninh, Tỉnh Lâm Đồng			37.0	37.0				NV1
245	NGUYỄN HOÀNG CHÍ VỸ	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	11/04/2011	Thôn 2, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0				NV1
246	TỔNG GIA VỸ	Lâm Đồng	Nam	Kinh	20/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0				NV1
247	ĐOÀN THỊ HỒNG XIÊM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31/03/2011	Thôn 9B, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			39.0	39.0				NV1
248	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	24/09/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			30.0	30.0				NV1
249	ĐỒNG THỊ HẢI YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	14/05/2011	Thôn 3, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			38.0	38.0				NV1
250	VŨ THỊ HẢI YẾN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	11/08/2011	Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Xã Hòa Bắc, Tỉnh Lâm Đồng			40.0	40.0				NV1

Danh sách này có 250 học sinh trúng tuyển vào lớp 10 năm học 2026 - 2027.